TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNCHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bảnán số:**208**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Nguyễn Đức Duy**

2.Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lương Thị Trà My** -Kiểm sát viên*

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc D** sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp MH xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Võ Văn N**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp MH xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị D và anh N chung sống vợ chồng vào năm 2016,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 26/9/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh N cờ bạc, gây nợ, thiếu trách nhiệm với gia đình, dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên Chị D xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về con chung có 01 con chung tên Võ Nguyên P sinh ngày 28/02/2018, khi ly hôn Chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Văn N vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, không có bản tự khai cũng như ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị D và anh N quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, Châu Thành, Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo Chị D trình bày là do anh N cờ bạc, gây nợ, thiếu trách nhiệm với gia đình, dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị D làm đơn xin ly hôn với anh N. Do đó quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị D xin ly hôn với anh N nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị D:

Tại phiên tòa,Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N lý do giữa chị và anh N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề anh N cờ bạc, gây nợ, thiếu trách nhiệm với gia đình, dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm đã ly thân từ năm 2019 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Anh N trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn chứng tỏ anh N không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị D, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Chị D. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh N và Chị D đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2019, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh N và Chị D là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D theo qui định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung tên Võ Nguyên P sinh ngày 28/02/2018, khi ly hôn Chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.Xét thấy cháu P hiện còn nhỏ, từ khi ly thân đến nay sống với Chị D được Chị D chăm sóc tốt, do đó giao cháu P cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định và không ảnh hưởng tới cuộc sống ổn định của cháu P, Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do đó không đặt ra xem xét giải quyết đối với vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị D xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 56,81,82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D, cho Chị D ly hôn với anh N, về con chung đề nghị giao con chung cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D: cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Võ Văn N

-Về con chung: giao cháu Võ Nguyên P sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị D đã nộp theo biên lai số 0003621 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Thạnh Phú, Châu Thành
- Đương sự
-Lưu hồ sơ, án văn.